

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa
❧❧❧

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV/2020

Nơi nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50,387,336,522	41,365,493,302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4,608,544,374	5,059,280,242
1. Tiền	111		3,858,544,374	5,059,280,242
2. Các khoản tương đương tiền	112		750,000,000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	129		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9,800,444,466	9,532,613,520
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5,023,042,471	5,998,056,650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		712,340,910	120,577,061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	5,021,325,573	4,469,364,697
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(956,264,488)	(1,055,384,888)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	35,153,376,132	26,541,993,531
1. Hàng tồn kho	141		35,715,899,472	27,376,629,148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562,523,340)	(834,635,617)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		824,971,550	231,606,009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	132,661,348	152,101,927
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		692,310,202	79,504,082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10		



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,400,510,881	26,495,564,303
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,963,142,623	13,482,269,285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	13,963,142,623	13,482,269,285
<i>Nguyên giá</i>	222		26,350,692,910	25,284,153,637
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(12,387,550,287)	(11,801,884,352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	12,208,153,015	12,816,862,975
<i>Nguyên giá</i>	231		20,870,696,426	20,870,696,426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(8,662,543,411)	(8,053,833,451)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		229,215,243	196,432,043
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	229,215,243	196,432,043
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		76,787,847,403	67,861,057,605

3772376
 NG TY
 PHÂN
 NH HỌ
 SÔNG ĐÀ
 HOA T. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		38,221,672,257	29,609,141,607
I. Nợ ngắn hạn	310		38,221,672,257	29,609,141,607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26,642,518,599	21,567,419,350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		581,145,648	436,025,169
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	231,395,205	279,146,627
4. Phải trả người lao động	314		586,284,457	552,320,986
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	856,554,364	13,636,364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	491,877,442	476,227,607
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	8,073,620,150	5,535,302,100
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		758,276,392	749,063,404
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38,566,175,146	38,251,915,998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	38,566,175,146	38,251,915,998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,162,020,000)	(2,162,020,000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,600,948,010	7,288,394,010
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,127,247,136	3,125,541,988
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,127,247,136	3,125,541,988
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		76,787,847,403	67,861,057,605

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀĐịa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Quý trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49,900,070,605	55,148,219,375	263,075,553,608	286,506,449,165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,339,177	33,490,816	41,614,632	134,186,271
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49,898,731,428	55,114,728,559	263,033,938,976	286,372,262,894
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44,354,183,211	50,280,507,359	243,959,600,182	266,664,293,121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,544,548,217	4,834,221,200	19,074,338,794	19,707,969,773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	89,282,526	163,037,646	598,621,860	409,152,954
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	79,776,484	106,291,392	525,702,494	715,016,430
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79,776,484	105,679,063	525,702,494	714,594,301
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	3,119,247,850	3,437,668,674	11,426,138,732	12,020,656,084
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	1,570,076,116	1,775,764,958	4,521,989,588	4,852,300,655
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		864,730,293	(322,466,178)	3,199,129,840	2,529,149,558
11. Thu nhập khác	31	VI.5	376,227,250	1,760,287,697	1,965,379,669	2,848,391,180
12. Chi phí khác	32	VI.6	273,802,979	369,807,021	1,254,986,778	1,451,565,524
13. Lợi nhuận khác	40		102,424,271	1,390,480,676	710,392,891	1,396,825,656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		967,154,564	1,068,014,498	3,909,522,731	3,925,975,214
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	193,638,520	228,640,568	782,275,595	800,433,226
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		773,516,044	839,373,930	3,127,247,136	3,125,541,988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		286	311	1,158	1,159
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hải

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,909,522,731	3,925,975,214
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2,571,419,986	2,058,694,206
- Các khoản dự phòng	03	(99,120,400)	600,101,053
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		612,329
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(598,621,860)	(332,317,999)
- Chi phí lãi vay	06	525,702,494	714,404,101
- Các khoản điều chỉnh khác			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,308,902,951	6,967,468,904
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(781,516,666)	6,344,252,861
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8,611,382,601)	9,065,815,906
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6,089,795,766	(4,605,255,818)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13,342,621)	70,100,295
- Tiền lãi vay đã trả	13	(525,702,494)	(714,404,101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(807,071,749)	(720,173,715)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(103,775,000)	(165,340,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,555,907,586	16,242,464,332
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,443,583,364)	(3,449,883,374)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		45,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	598,621,860	286,863,454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.844.961.504)	(3.117.565.375)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	từ đầu năm đến cuối	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		102,366,801,471	113,670,629,724
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(99,828,483,421)	(124,274,432,775)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,700,000,000)	(5,333,221,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(161,681,950)	(15,937,024,051)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(450,735,868)	(2,812,125,094)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5,059,280,242	7,872,017,665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(612,329)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	4,608,544,374	5,059,280,242

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 1	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 3	Số 301 Trần Phú, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 6	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

Tại ngày 31/12/2020, số nhân viên của Công ty là 69 người (tại ngày 01/01/2020 là 74 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	20 – 36 năm
-----------	-------------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11/21/0050/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản trong kỳ là doanh thu cho thuê văn phòng. Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ là chi phí lãi vay.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.161.098.451	749.616.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.697.445.923	4.309.663.427
Các khoản tương đương tiền	750.000.000	
Cộng	<u>6.608.544.374</u>	<u>5.059.280.242</u>

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu KH ngắn hạn</i>	5.023.042.471	(906.163.659)	5.998.056.650	(1.005.284.059)
Phải thu các tổ chức và cá nhân	5.023.042.471	(906.163.659)	5.998.056.650	(1.005.284.059)
Cộng	<u>5.023.042.471</u>	<u>(906.163.659)</u>	<u>5.998.056.650</u>	<u>(1.005.284.059)</u>

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước người bán ngắn hạn</i>	712.340.910	120.577.061
Phải trả các khách hàng khác	712.340.910	120.577.061
Cộng	<u>712.340.910</u>	<u>120.577.061</u>

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	5.021.325.573	(50.100.829)	4.301.832.922	(50.100.829)
Phải thu các tổ chức và cá nhân	5.021.325.573	(50.100.829)	4.301.832.922	(50.100.829)
Cộng	<u>5.021.325.573</u>	<u>(50.100.829)</u>	<u>4.301.832.922</u>	<u>(50.100.829)</u>

05. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		998.968.488			1.145.256.488	89.871.600
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1 - 2 năm	85.408.000	42.704.000	1 - 2 năm	128.388.000	89.871.600
	2 - 3 năm			2 - 3 năm		
	Trên 3 năm	913.560.488		Trên 3 năm	1.016.868.488	
Cộng		<u>998.968.488</u>			<u>1.145.256.488</u>	<u>89.871.600</u>

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	35.715.899.472	27.568.080.747
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(562.523.340)	(834.635.617)
Cộng	<u>35.153.376.132</u>	<u>26.733.445.130</u>

07. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	132.661.348	152.101.927
Chi phí trả trước dài hạn	229.215.243	199.022.846
Cộng	<u>361.876.591</u>	<u>348.533.970</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

08. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.587.448.395	4.592.872.233	6.103.833.009		25.284.153.637
Tăng trong kỳ	15.885.000	45.922.000	2.381.776.364		2.443.583.364
Thanh lý trong kỳ		225.000.000	1.152.044.091		1.377.044.091
Phân loại lại					
Số cuối kỳ	14.603.333.395	4.413.794.233	7.333.565.282		26.350.692.910
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	728.735.130	3.661.700.492	1.491.276.191		5.881.711.813
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.799.911.248	4.000.039.866	4.001.933.243		11.801.884.352
Khấu hao trong kỳ	1.033.743.256	190.442.124	738.524.650		1.448.303.053
Thanh lý trong kỳ		225.000.000	1.152.044.091		1.377.044.091
Số cuối kỳ	4.833.654.507	3.965.481.990	3.588.413.794		12.387.550.291
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.787.537.148	592.832.367	2.101.899.766		13.482.269.285
Số cuối kỳ	9.769.678.889	448.312.243	3.745.151.488		13.963.142.623
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Nhà kho Tây Bắc Ga đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

09. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà và cơ sở hạ tầng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.870.696.426	8.053.833.451	12.816.862.975
Tăng nguyên giá trong năm			
Giảm nguyên giá trong năm			
Tăng hao mòn trong năm		608.709.960	
Giảm hao mòn trong năm			
Cộng	20.870.696.426	8.662.543.411	12.208.153.015

Bất động sản đầu tư là Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**11. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	26.642.518.599	21.567.419.349
Phải trả ngắn hạn các nhà cung cấp	26.642.518.599	21.567.419.349
Cộng	26.642.518.599	21.567.419.349

12. Người mua trả tiền trước

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	581.145.648	436.025.169
Các khách hàng khác	581.145.648	436.025.169
Cộng	581.145.648	436.025.169

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	970.553.392	970.553.392	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.434.674	782.275.595	807.071.749	193.638.520
Thuế thu nhập cá nhân	60.711.953	215.955.009	238.910.277	37.756.685
Tiền thuê đất		1.694.484.004	1.694.484.004	
Các loại thuế khác		8.337.577	8.337.577	
Cộng	279.146.627	3.671.605.577	3.719.356.999	231.395.205

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.909.522.731	2.862.020.717
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.855.243	200.041
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.855.243	200.041
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	1.855.243	200.041
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	3.911.377.974	2.862.220.758
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	782.275.595	572.444.152
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	782.275.595	572.444.152

Tiền thuê đất, thuế nhà đất: nộp theo thông báo cơ quan thuế**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Doanh thu chưa thực hiện**Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	856.554.364	13.636.364

Là doanh thu nhận trước của các hợp đồng cho thuê văn phòng ngắn hạn

15. Phải trả khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	491.877.442	476.227.607
Tiền ký quỹ của người lao động	15.448.133	15.448.133
Cổ tức lợi nhuận phải trả	231.243.925	359.926.925
Kinh phí công đoàn	1.485.384	1.873.553
Bảo hiểm xã hội phải nộp		
Phải trả khác	243.700.00	98.978.996
Cộng	491.877.442	476.227.607

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đây là số dư khoản vay Ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-201900983 ký ngày 16/09/2019, thời hạn cấp tín dụng đến 16/9/2020; và Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-202001031 ký ngày 11/09/2020, thời hạn cấp tín dụng đến 10/9/2021; với hạn mức là 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại 25 Lê Lợi và Nhà kho Tây Bắc Ga.

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	5.535.302.100
Số tiền vay phát sinh	102.366.801.471
Số tiền vay đã trả	99.828.483.421
Số cuối năm	8.073.620.150

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	460.922.471	112.987.988	62.510.000	511.400.459
Quỹ phúc lợi	288.140.933		41.265.000	246.875.933
Cộng	749.063.404	112.987.988	103.775.000	758.276.392

18. Vốn chủ sở hữu

i.

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.288.391.010	3.125.541.988	38.251.915.998
Lợi nhuận trong kỳ	-	-		3.127.247.136	
Trích lập các quỹ	-	-	312.554.000	425.541.988	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-		2.700.000.000	
Số dư cuối kỳ	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.600.948.010	3.127.247.136	38.566.175.146

ii.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000	300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

iii. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận năm 2019 phân phối trong tháng 3/2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**i. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Cộng	<u>954.755.852</u>	<u>954.755.852</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	254.245.339.244	277.374.279.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.830.214.361	9.161.487.262
Các khoản giảm trừ doanh thu	41.614.632	134.186.271
Cộng	<u>263.033.938.973</u>	<u>286.372.262.894</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	241.515.263.594	263.983.419.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.172.224.311	2.093.763.206
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	272.112.277	587.110.423
Cộng	<u>243.959.600.182</u>	<u>266.664.293.121</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	280.537.531	286.863.454
Lỗ chênh lệch tỷ giá		121.500
Chiết khấu thanh toán	318.084.329	122.168.000
Cộng	<u>598.621.860</u>	<u>409.152.954</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	525.702.494	714.404.101
Chi phí khác		612.329
Cộng	<u>525.702.494</u>	<u>715.016.430</u>

5. Thu nhập khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền từ thanh lý tài sản	378.181.819	45.454.545
Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	1.246.628.531	1.350.926.990
Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	244.326.908	60.108.800
Xử lý công nợ	79.642.226	1.257.706.322
Thu nhập khác	16.900.185	134.194.523
Cộng	1.965.379.669	2.848.391.180
6. Chi phí khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền điện cho thuê mặt bằng	1.241.540.296	1.337.757.547
Chi phí khác	6.849.498	113.807.977
Cộng	1.254.986.778	1.451.565.424
7. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.035.842.475	6.371.441.739
Chi phí vật liệu, bao bì	613.958.467	754.356.607
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	149.210.154	206.246.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.509.297.660	1.449.924.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.161.249.114	1.314.309.241
Chi phí bằng tiền khác	1.956.580.862	1.924.377.583
Cộng chi phí bán hàng	11.426.138.732	12.020.656.084
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.660.642.870	2.587.786.685
Chi phí vật liệu, bao bì	-	29.873.415
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.131.237	57.361.260
Thuế, phí và lệ phí	137.969.653	199.108.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.628.366	
Chi phí dự phòng	(99.120.400)	41.163.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.612.520	338.054.514
Chi phí bằng tiền khác	1.345.125.342	1.598.953.309
Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp	4.521.989.588	4.852.300.655
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	8.696.485.345	8.959.228.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.328.635.986	2.058.694.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.349.861.634	2.436.593.777

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2020

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	5.745.369.666	5.512.203.538
Cộng	18.120.352.631	18.966.719.945
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	782.275.595	800.433.226

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**
 - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 102.366.801.471đ
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**
 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 99.828.483.421đ

III. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	1.346.916.003	1.339.869.894
Phụ cấp	420.000.000	420.000.000
Cộng	1.766.916.003	1.759.969.894

1. Thông tin về bộ phận

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh hàng hóa.
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh dịch vụ.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ đang lấy theo số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

lon

vl

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu

Vũ Thị Lý
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
 Tổng Giám đốc



